



PHIẾU DỮ LIỆU AN TOÀN

1. Nhận dạng

Mã định danh sản phẩm	CN877Series
Các hình thức nhận dạng khác	
Từ Đồng Nghĩa	HP PT40 Spcl Glass Scitex Solution
Công dụng đề nghị	In phun
Các giới hạn đề nghị	Chưa được biết.
Danh Tính Công Ty	Hewlett-Packard Vietnam Ltd. Suite 1002, 29 Lê Duẩn, Saigon Tower, tầng 10, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh (Sài Gòn) Việt Nam Điện Thoại +84437245550 HP Inc. health effect line (Toll-free within US) 1-800-457-4209 (Direct) 1-760-710-0048 HP Inc. Customer Care Line (Toll-free within the US) 1-800-474-6836 (Direct) 1-208-323-2551 Email: hpcustomer.inquiries@hp.com

2. Nhận diện các hiểm họa

Hiểm Họa Vật Lý	Không được phân loại.	
Hiểm Họa Cho Sức Khỏe	Ăn mòn/kích ứng da	Loại 1
	Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng	Loại 1
Các hiểm họa cho môi trường	Không được phân loại.	
Các thành phần của nhãn		
Ký hiệu hiểm họa	Không có.	
Từ cảnh báo	Không có.	
Công bố hiểm họa	Không có.	
Thông điệp đề phòng		
Phòng Ngừa	Không có.	
Ứng phó	Không có.	
Bảo Quản	Không có.	
Thải bỏ	Không có.	
Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại	Chưa được biết.	
Thông tin thêm	Không có.	

3. Thành phần/ thông tin về các phụ liệu

Các hỗn hợp

Thành phần nguy hại

Tên Hóa Chất	Tên thông dụng và từ đồng nghĩa	Số CAS	%
AXIT ACETIC		64-19-7	< 5

Các thành phần không nguy hiểm

Tên Hóa Chất	Tên thông dụng và từ đồng nghĩa	Số CAS	%
Nước		7732-18-5	> 95

4. Các biện pháp sơ cứu

Hít phải	Đưa người này ra nơi có không khí trong lành ngay lập tức. Nếu triệu chứng vẫn còn, nhận chăm sóc y tế ngay lập tức.
----------	---

Tiếp xúc với da	Trong trường hợp tiếp xúc, cởi bỏ ngay lập tức quần áo bị nhiễm bẩn và rửa da bằng nhiều nước. Giặt riêng quần áo trước khi sử dụng. Cần được chăm sóc y tế, nếu cần.
Tiếp xúc với mắt	Trong trường hợp tiếp xúc với mắt, tháo kính áp tròng và rửa ngay lập tức bằng nhiều nước, cả bên dưới mí mắt, trong thời gian ít nhất là 15 phút. Tìm gặp y bác sĩ ngay để được chăm sóc điều trị.
Ăn phải	Súc miệng bằng nước. Nếu nuốt phải vật liệu, nhận chăm sóc hoặc tư vấn y tế ngay lập tức – Không gây nôn. Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh. Tìm gặp y bác sĩ ngay để được chăm sóc điều trị.
Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm xuất hiện	Không có.

5. Các biện pháp cứu hỏa

Các chất chữa cháy phù hợp	Hóa chất khô, CO ₂ , cát, đất, bình xịt nước hoặc bột bình thường.
Chất chữa cháy không phù hợp	Không có.
Hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất	Không áp dụng.
Trang bị bảo hộ đặc biệt cho nhân viên chữa cháy	Lính cứu hỏa phải mặc quần áo bảo hộ đầy đủ kể cả bình thở khí nén.

6. Các biện pháp xử lý rò rỉ bất ngờ

Các biện pháp đề phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp	Tránh tiếp xúc với da. Tránh hít hơi nước hoặc sương. Không đứng chạm hoặc bước qua vật liệu bị tràn đổ. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân để giảm thiểu sự phơi nhiễm với da và mắt. Trong trường hợp có sự tạo ra hơi, sử dụng mặt nạ phòng hơi độc có bộ lọc đã được phê chuẩn.
Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch	Không có.
Các biện pháp đề phòng cho môi trường	Không để sản phẩm đi vào các đường thoát. Không xả vào nguồn nước mặt hay hệ thống cống vệ sinh.

7. Thao tác và bảo quản

Các biện pháp đề phòng cho thao tác an toàn	Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo. Tránh hít hơi hoặc sương của sản phẩm này. Sử dụng với sự thông gió đầy đủ. Mặc các thiết bị bảo hộ cá nhân.
Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi tính chất tương kỵ	Để ở nơi mát và thông khí tốt. Lưu trữ trong thùng chứa kín ở xa các vật liệu không tương thích.

8. Kiểm soát việc tiếp xúc / bảo hộ cá nhân

Các giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp

Việt Nam. Các Giới Hạn Tiếp Xúc Nghề Nghiệp (OEL)

Thành phần	Loại	Giá trị
AXIT ACETIC (CAS 64-19-7)	STEL	35 mg/m ³
	TWA	25 mg/m ³

Các Ngưỡng Giới Hạn của Hiệp Hội Vệ Sinh Công Nghiệp Hoa Kỳ (ACGIH), Hoa Kỳ

Thành phần	Loại	Giá trị
AXIT ACETIC (CAS 64-19-7)	STEL	15 ppm
	TWA	10 ppm

Các giá trị giới hạn sinh học	Không có giới hạn tiếp xúc sinh học nào đáng lưu ý cho (các) thành phần.
Các hướng dẫn đối với phơi nhiễm	Vẫn chưa thiết lập giới hạn phơi nhiễm cho sản phẩm này.
Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp	Cung cấp hệ thống thông hơi khí xả tại chỗ thích hợp để duy trì mức độ phơi nhiễm của người làm dưới mức giới hạn phơi nhiễm.
Thiết bị bảo hộ cá nhân	
Tổng quát	Tránh tiếp xúc với da và mắt. Giặt sạch quần áo nhiễm hóa chất rồi mới được dùng lại.
Các biện pháp bảo vệ cá nhân, như trang bị bảo hộ cá nhân	
Biện pháp bảo vệ mắt/mặt	Đeo kính an toàn; mặt nạ chống hóa chất (nếu có thể có bắn tóe).
Bảo vệ da	
Bảo vệ tay	Găng tay.

Khác	Mặc trang phục bảo hộ thích hợp.
Bảo vệ đường hô hấp	Không có.
Các hiểm họa nhiệt	Không có.
Các lưu ý vệ sinh chung	Để xa đồ ăn thức uống.

9. Tính chất lý hóa

Ngoại Quan

Trạng thái vật lý	Không có.
Dạng	Chất lỏng.
Màu	Trong.
Mùi	Không có.
Ngưỡng phát hiện mùi	Không có.
pH	Không có.
Điểm chảy/điểm đông	Không có.
Điểm và vùng nhiệt độ sôi ban đầu	Không có.
Nhiệt Độ Bốc Cháy	≥ 100.0 °C (≥ 212.0 °F) Cốc Kín
Tốc độ bay hơi	Không có.
Khả năng cháy (rắn, khí)	Không có.

Giới hạn cháy trên/dưới hoặc các giới hạn nổ

Giới hạn cháy - dưới (%)	Không có.
Giới hạn cháy - trên (%)	Không có.
Giới hạn nổ - dưới (%)	Không có.
Giới hạn nổ - trên (%)	Không có.

Áp suất hơi Không có.

Tỷ khối hơi Không có.

(Các) độ tan

Tính tan (nước) Không có.

Hệ số phân tách (n-octanol/nước) Không có.

Nhiệt độ tự bốc cháy Không có.

Nhiệt độ phân hủy Không có.

Độ nhớt Không có.

Thông tin khác

VOC (Trọng lượng %) < 30 g/l

10. Độ bền và khả năng phản ứng

Khả năng phản ứng	Không có.
Độ bền hóa học	Ổn định ở điều kiện bình thường.
Khả năng gây phản ứng nguy hiểm	Sẽ không xảy ra.
Các điều kiện cần tránh	Chưa được biết.
Các vật liệu tương kỵ	Không có.
Các sản phẩm phân hủy gây nguy hiểm	Không có.

11. Thông tin về độc tính

Triệu chứng liên quan đến tính chất vật lý, hóa học và độc tính. Không có.

Thông tin về các tác dụng độc

Độc tính cấp tính

Thành phần	Loài	Kết quả thử nghiệm
AXIT ACETIC (CAS 64-19-7)		
Cấp tính		
<i>Da</i>		
LD50	Thỏ	1060 mg/kg
<i>Hít phải</i>		
LC50	Chuột	5620 ppm, B1 Giờ 11.4 mg/l, B4 Giờ
	Chuột lang	5000 ppm, B1 Giờ
<i>Khác</i>		
LD50	Chuột	525 mg/kg
	Thỏ	1200 mg/kg
<i>Qua Miệng</i>		
LD50	Chuột	4960 mg/kg 3.31 g/kg
	Thỏ	1200 mg/kg
Ăn mòn/kích ứng da	Không có.	
Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng	Không có.	
Gây mẫn cảm đường hô hấp hoặc da		
Gây mẫn cảm đường hô hấp	Không có.	
Gây mẫn cảm da	Không có.	
Khả năng gây đột biến tế bào mầm	Không có.	
Khả năng gây ung thư	Không có.	
Độc tích sinh sản	Không có.	
Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau một lần tiếp xúc	Không có.	
Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau lần tiếp xúc lại	Không có.	
Hiểm họa hít phải	Không có.	
Thông tin khác	Không có dữ liệu độc tính đầy đủ cho công thức cụ thể này	

12. Thông tin về sinh thái

Độc tố thủy sinh	Không có thông tin.
Độc tính sinh thái	Không có thông tin.

Thành phần	Loài	Kết quả thử nghiệm
AXIT ACETIC (CAS 64-19-7)		
Dưới nước		
Cá	LC50	Cá Bluegill (<i>Lepomis macrochirus</i>) 75 mg/l, 96 giờ
Lớp tôm cua	EC50 (nồng độ tác dụng 50%)	Bọ nước (<i>Daphnia magna</i>) 65 mg/l, 48 giờ
Độ Bền Và Khả Năng Phân Hủy	Không có.	
Khả năng tích tụ sinh học	Không có.	
Khả năng tích tụ sinh học		
Hệ Số Phân Tách octanol/nước log Kow		
AXIT ACETIC		-0.17
Di chuyển trong đất	Không có.	
Các tác dụng có hại khác	Không có.	

13. Các cân nhắc khi thải bỏ

Các Hướng Dẫn Thải Bỏ

Không thải bỏ cùng với rác thải thông thường của văn phòng.
Không để vật liệu này chảy vào đường ống thoát nước/nguồn nước.
Thải bỏ vật liệu phế thải theo các quy định của Địa phương, Tiểu bang, Liên bang và Quy định về Môi trường của Tỉnh.
Đảm bảo thực hiện thu gom và thải bỏ với một nhà thầu xử lý rác thải có giấy phép thích hợp.

14. Thông tin về việc vận chuyển

Bộ Giao Thông Vận Tải (DOT)

Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm.

IATA

Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm.

IMDG

Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm.

ADR

Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm.

15. Thông tin về quy định

Các quy định quốc gia

Các Chất Tiêu Hủy Tầng Ozon (ODS) Thông Tư Liên Ngành số 14/2005/TTLT-BTM-BTNMT

Không được quy định.

Thông tin khác

Các điều khoản cụ thể: Quy định (EC) No 1907/2006 của Quốc hội Châu Âu và của Hội đồng về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất (REACH), thành lập một Cơ quan Hóa chất Châu Âu, sửa đổi Chỉ thị 1999/45/EC và hủy bỏ Quy định của Hội đồng (EEC) No 793/93 và Quy định của Ủy ban (EC) No 1488/94 cũng như Chỉ thị của Hội đồng 76/769/EEC và các Chỉ thị của Ủy ban 91/155/EEC, 93/67/EEC, 93/105/EC và 2000/21/EC (trong phiên bản sửa đổi OJ L 396 từ 29.05.2007 trang 3 với các chỉnh sửa và sửa đổi tiếp theo).

Thông tin về quy định

Tất cả các hóa chất trong sản phẩm HP này đã được thông báo hoặc miễn trừ thông báo theo các luật về thông báo hóa chất ở các quốc gia sau: Hoa Kỳ (TSCA), Liên minh Châu Âu (EINECS/ELINCS), Thụy Sĩ, Canada (DSL/NDSL), Australia, Nhật Bản, Philippines, Hàn Quốc, New Zealand và Trung Quốc.

16. Thông tin khác, kể cả ngày soạn thảo hoặc sửa đổi

Ngày Ban Hành

19-Tháng-Tám-2016

Phiên bản số

01

Khước Từ Trách Nhiệm

Tài liệu Bảng Dữ liệu An toàn này được cung cấp miễn phí cho khách hàng của HP. Dữ liệu nằm trong phạm vi hiểu biết gần đây nhất của HP tại thời điểm viết tài liệu này và được coi là chính xác. Tài liệu này không được hiểu là đảm bảo các thuộc tính cụ thể của các sản phẩm như được mô tả hoặc tính thích hợp cho một ứng dụng cụ thể. Tài liệu này được viết theo các yêu cầu của phạm vi tài phán được chỉ định trong Mục 1 ở trên và có thể không đáp ứng các yêu cầu về quy định tại các quốc gia khác.

Thông Tin Sửa Đổi

1. Nhận dạng sản phẩm và công ty: DANH TÍNH SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY
Thành phần cấu tạo / thông tin về các thành phần: Thông Tin Công Bố Ưu Tiên Hơn
Tính Chất Lý & Hóa: Đa Tính Chất
15. THÔNG TIN PHÁP LUẬT: Risk Phrases - Class.
Dữ liệu HazReg: Vòng đai Thái Bình Dương

Thông tin nhà sản xuất

HP Inc.
1501 Page Mill Road
Palo Alto, CA 94304-1112 US
(Direct) +972 (9) 892-4628
